TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 08-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần
2. Bà Lê Thị Hồng Gấm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 93/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T.

Địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thái Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 26/9/2022). (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty K.

Địa chỉ: khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Mộng D, sinh năm 1975; địa chỉ liên hệ: khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 10/11/2022). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Giữa Công ty T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty T (sau đây viết tắt là Công ty K) có ký hợp đồng thương mại ngày 01/7/2019. Công ty T căn cứ vào hợp đồng, đơn đặt hàng sẽ hoàn tất đơn hàng và giao hàng đến địa chỉ bên mua yêu cầu. Trong tháng 10/2019, Công ty T bán hàng hóa là vải không dệt kích thước 40g x 1,6m, 70g x 1,6m, 15g x 1,6m cho Công ty K với tổng giá trị tiền hàng là 108.814.420 đồng (đã bao gồm 10% VAT). Sau khi Công ty T gửi bảng chi tiết công nợ, bên mua xác nhận đúng đủ số lượng hàng đã giao và bên bán xuất hóa đơn số 0000114 ngày 30/10/2019, thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Sau khi giao hàng đầy đủ theo đơn hàng của Công ty K, phía Công ty T đã gửi bảng chi tiết công nợ, Công ty K xác nhận và Công ty T xuất hóa đơn yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, sau nhiều lần yêu cầu thanh toán, phía Công ty K chỉ mới thanh toán được số tiền 60.000.000 đồng và ngừng thanh toán cho tới nay. Hiện nay, Công ty K còn nợ Công ty T số tiền 48.814.420 đồng. Công ty T nhiều lần liên lạc nhắc nhở và yêu cầu Công ty K thanh toán công nợ còn lại nhưng không có kết quả. Việc Công ty K không thanh toán hết công nợ đã gây ra cho Công ty T nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Công ty T khởi kiện Công ty K ra Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với yêu cầu: Buộc Công ty K phải thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 60.529.880 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc 48.814.420 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 21/9/2022 với lãi suất 1%/tháng như sau: 48.814.420 đồng x 1% x 24 tháng = 11.715.460 đồng.

- *Bị đơn trình bày:*

Ngày 01/7/2019, Công ty K và Công ty T có ký hợp đồng thương mại, theo đó Công ty K thoả thuận mua hàng là vải không dệt từ Công ty T.

Theo chứng từ mà bên nguyên đơn cung cấp, hiện Công ty K chưa xác định được rõ người nhận hàng bên Công ty K trong phiếu giao hàng. Hơn nữa trong bảng công nợ không có đại diện Công ty K ký xác nhận. Vấn đề này là chưa đủ điều kiện để xác nhận công nợ tháng 10/2019 của Công ty K đối với Công ty T số tiền 108.814.420 đồng là chính xác.

Từ tháng 11/2019 trở đi, Công ty K tiếp tục đặt hàng với bên Công ty T nhưng bên Công ty T tự ngưng giao hàng mà không báo trước khiến Công ty K phải bị thiệt hại về tài chính cho việc tìm kiếm nhà cung cấp khác thật cấp bách để kịp tiến độ sản xuất, giao hàng kịp thời cho bên khách hàng nước ngoài. Trên tinh thần hợp tác, Công ty K đã thanh toán coi như tạm ứng cho bên nguyên đơn theo hình thức chuyển khoản: Ngày 03/8/2020: 30.000.000 đồng; ngày 19/9/2020: 30.000.000 đồng. Cho đến khoảng thời gian từ ngày 20/9/2022 đến 30/9/2022, Công ty K có tiếp nhận các cuộc gọi của bên văn phòng luật sư đại diện cho bên nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán công nợ nêu trên và thông

qua một trong những cuộc gọi đó, chúng tôi đã mời bên nguyên đơn đến Công ty K để tiếp tục thỏa thuận nhưng bên nguyên đơn không tới cũng không phản hồi.

Bởi vậy, với yêu cầu khởi kiện của Công ty T yêu cầu Công ty K thanh toán số tiền 60.529.880 đồng bao gồm nợ gốc 48.814.420 đồng và lãi chậm thanh toán 11.715.460 đồng là không hợp lý. Do đó, Công ty K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, Công ty T yêu cầu cầu Công ty K thanh toán tổng số tiền là 62.775.335 đồng, bao gồm nợ gốc là 48.814.420 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 08/02/2023 là 13.960.915 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên quan điểm, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty K thanh toán tiền nợ phát sinh từ hợp đồng thương mại giữa Công ty T và Công ty K. Bị đơn Công ty K có trụ sở tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, Công ty T yêu cầu cầu Công ty K thanh toán tổng số tiền là 62.775.335 đồng, bao gồm nợ gốc là 48.814.420 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 08/02/2023 là 13.960.915 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Xét thấy, ngày 01/7/2019, giữa Công ty T và Công ty K ký Hợp đồng thương mại số 01/TV-HS/2019. Theo đó, Công ty K mua các mặt hàng vải không dệt của Công ty T. Nguyên đơn Công ty T cho rằng trong tháng 10/2019 đã giao hàng cho Công ty K với tổng giá trị là 108.814.420 đồng và đã tiến hành đối chiếu công nợ, xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 114 ngày 30/10/2019, Công ty K đã thanh toán số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ số tiền 48.814.420 đồng. Do Công ty K không tiếp tục thanh toán công nợ còn lại nên Công ty T khởi kiện. Công ty K cho rằng hai bên chưa xác nhận công nợ, hiện không xác định được người đã nhận hàng, số tiền 60.000.000 đồng Công ty K thanh toán chỉ là tiền tạm ứng trước nên chưa đủ điều kiện để xác nhận công nợ tháng 10/2019 của Công ty K đối với Công ty T số tiền 108.814.420 đồng, do đó, Công ty K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa Công ty T và Công ty K có giao kết hợp đồng và thực hiện việc mua bán hàng hoá. Công ty T đã giao hàng và xuất hoá đơn số 114 với tổng giá trị là 108.814.420 đồng. Công ty K cho rằng hai bên chưa đối chiếu công nợ, không xác định được người nhận hàng, số tiền 60.000.000 đồng đã thanh toán là tiền tạm ứng. Tuy nhiên, theo các Lệnh thanh toán ngày 21/9/2020 thể hiện Công ty K thanh toán số tiền "29.979.100 VNĐ" với nội dung: "…CT TNHH NOI THAT KHÔI TRI tt TIN VIEN HD 114 LAN 1" và ngày 03/8/2020 với nội dung: "…CT TNHH NOI THAT KHÔI TRI tt TIN VIEN HD 114 LAN 2", đồng thời Công ty K đã thực hiện việc kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng của hoá đơn số 114 ngày 30/10/2019 vào kỳ kê khai quý 4/2019. Phía Công ty K cũng không có ý kiến hay khiếu nại về chất lượng, số lượng hàng hoá mà phía Công ty T đã giao. Do đó, có cơ sở xác định Công ty T đã giao hàng cho Công ty K với tổng giá trị bao gồm thuế là 108.814.420 đồng và Công ty K đã thanh toán cho Công ty T số tiền 60.000.000 đồng, còn chưa thanh toán số tiền 48.814.420 đồng. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 48.814.420 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả: Công ty T yêu cầu Công ty K tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Như đã phân tích ở phần trên do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 08/02/2023) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,8%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 15%/năm, tại Ngân hàng TMCP An Bình 13,65%/năm, tại Ngân

hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 15,75%/năm). Nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng tương ứng là 12%/năm và tính từ ngày 21/9/2020 là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Công ty K phải thanh toán cho Công ty T số tiền lãi là 13.960.915 đồng.

Tổng số tiền Công ty K phải thanh toán cho Công ty T là 62.775.335 đồng.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty K phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận tương đương số tiền án phí: 3.138.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn Công ty K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 62.775.335 đồng, bao gồm nợ gốc là 48.814.420 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 13.960.915 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty K phải nộp số tiền 3.138.500 đồng. Hoàn trả cho Công ty T số tiền 1.513.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0006360 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung